

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 01-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quốc Toàn

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 21 ngày 7 tháng 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp H, xã N, tỉnh Cà Mau (trước đây là ấp H, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau).

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Hồng D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp S, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre).

Ông T có mặt. Bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ tình cảm, quen biết tìm hiểu nhau nên ngày 10/12/2024, ông và bà Lâm Thị Hồng D có thỏa thuận hùn tiền mua một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, màu sơn đỏ đen, số máy JC98E0149964, số khung RLHJC7674RY132203, biển số đăng ký 71AG-006.09, với giá 36.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận ông là người sử dụng xe và bà D là người đứng tên giấy tờ xe. Thời gian sau do ông và bà D không hợp, có nhiều mâu thuẫn nên đã chia tay. Chiếc xe máy nêu trên hai bên thỏa thuận ông là người tiếp tục sử dụng xe, bà D làm thủ tục sang tên lại cho ông đứng tên chủ sử dụng xe và ông hoàn trả lại cho bà D số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 18/02/2025, bà D lập Giấy bán, cho, tặng xe có chữ ký của bà D với nội dung khi nào ông giao đủ tiền thì bà D sẽ làm thủ tục sang tên xe cho ông. Ngày 23/02/2025, ông đã giao đủ cho bà D số tiền 25.000.000 đồng (gồm 14.000.000 đồng chuyển khoản và 11.000.000 đồng ông trực tiếp đưa cho bà D). Sau khi nhận đủ tiền, ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà D không thực hiện các thủ tục sang tên xe cho ông nhưng bà D cố tình không thực hiện.

Ngày 03/3/2025, ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long) giải quyết buộc bà D có trách nhiệm thực hiện các thủ tục sang tên xe cho ông theo quy định của pháp luật. Ngày 10/4/2025, tại phiên hòa giải của Tòa án, bà D đồng ý thực hiện các thủ tục sang tên xe cho ông. Ông nhận thấy, mục đích đã đạt được và bà D có thiện chí nên ông rút đơn khởi kiện. Cùng ngày, ông và bà D đã thống nhất đến Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là xã G) ký giấy chứng thực văn bản có tiêu đề Giấy bán, cho, tặng xe ngày 10/4/2025 do bà D tự soạn. Văn bản nêu trên được Ủy ban nhân dân thị trấn G chứng thực số 445, quyển số 01/2025-SCT/CK, ĐC. Sau đó, bà D đã thực hiện thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe 71AG-006.09 đăng ký ngày 19/12/2024 và giao cho ông. Ông đã tiến hành thực hiện thủ tục sang tên xe nhưng Chi cục thuế huyện U cho biết không xác định được mức thuế phải chịu đối với thủ tục sang tên xe. Bởi vì, văn bản chuyển quyền sở hữu chiếc xe mang biển số 71AG-006.09 không thể hiện rõ việc chuyển quyền sở hữu này thông qua hình thức tặng cho hay mua bán. Chi cục thuế hướng dẫn ông phải lập văn bản khác, trong đó xác định rõ hình thức chuyển quyền sở hữu là tặng cho hay mua bán nên ông đã liên hệ lại với bà D để lập lại văn bản mua bán theo yêu cầu của cơ quan thuế nhưng bà D không hợp tác làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe để ông thực hiện thủ tục sang tên đối với chiếc xe gắn máy biển số 71AG-006.09.

Bị đơn bà Lâm Thị Hồng D đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Hồng D, cư trú tại ấp S, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre) có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe máy là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ông T yêu cầu bà D có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe máy để ông thực hiện thủ tục sang tên đối với chiếc xe gắn máy biển số 71AG-006.09. Theo đó, ông T cho rằng do giấy mua bán xe ngày 10/4/2025 giữa ông với bà D không thể hiện nội dung là bán hay cho, tặng xe nên cơ quan thuế không xác định được mức thuế ông phải chịu khi thực hiện thủ tục sang tên xe. Ông yêu cầu bà D lập lại hợp đồng mua bán xe nhưng bà D không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

[2.1] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy bán, cho, tặng xe” ngày 10/4/2025 thể hiện nội dung: “Tên chủ xe: Lâm Thị Hồng D. Căn cước số: 083179012339, cấp ngày 12/12/2004, tại: Bộ Công An. Nơi thường trú: ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hiện tôi đang sở hữu chiếc xe có đặc điểm như sau: Nhãn hiệu: HONDA. Số loại: Future FI, loại xe: Hai bánh, màu sơn: Đỏ, đen. Số máy JC98E0149964, số khung RLHJC7674RY132203. Đăng ký tại: Công an thị trấn G. Biển số đăng ký: 71AG-006.09. Nay bán, cho, tặng chiếc xe này cho ông Đặng Văn T. Căn cước công dân số: 096080002500, cấp ngày 14/8/2023. Nơi thường trú: Ấp H, K, U, Cà Mau”, bà D có ký tên và ghi rõ họ tên người bán, cho, tặng xe. Giấy bán cho tặng xe được Ủy ban nhân dân thị trấn G chứng thực ngày 10/4/2025, số chứng thực 445 quyền số 01/2025-SCT/CK, ĐC. Giấy bán, cho, tặng xe nêu trên không thể hiện rõ nội dung là mua bán, hay cho tặng xe, tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 10/4/2025 của Tòa án, bà D trình bày bà có thỏa thuận bán chiếc xe gắn máy biển số 71AG-006.09 với giá 25.000.000 đồng, bà đã nhận đủ tiền từ ông T và sẽ thực hiện thủ tục để ông T đứng tên xe. Mặt khác, tại Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe ngày 15/4/2025 của Công an thị trấn G thể hiện nội dung chứng nhận bà D đã làm thủ tục thu hồi Chứng nhận đăng ký, biển số xe: 71AG-006.09 đăng ký ngày 19/12/2024. Lý do thu hồi: Chuyển quyền sở hữu. Sang tên cho chủ xe mới ông T. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà D đã bán chiếc xe gắn máy biển số xe: 71AG-006.09 cho ông T. Ông T đã nhận xe, bà D đã nhận đủ tiền nhưng bà D không ký hợp đồng mua bán xe cho ông T theo đúng quy định của

pháp luật để ông T thực hiện thực tục sang tên xe là đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán đối với chiếc xe gắn máy biển số 71AG-006.09 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bà Lâm Thị Hồng D.

Buộc bà Lâm Thị Hồng D tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán cho ông Đặng Văn T đối với chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, màu sơn đỏ đen, số máy JC98E0149964, số khung RLHJC7674RY132203, biển số đăng ký 71AG-006.09 (đã được thu hồi theo giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe ngày 15/4/2025 của Trưởng công an thị trấn G).

Ông Đặng Văn T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, sang tên xe theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Hồng D phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Hoàn trả cho ông Đặng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010796 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (này là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long) theo biên lai nêu trên.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang